

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/DS-ST  
Ngày: 29-8-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
góp vốn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn H

Ông P Ngọc Tuấn

**- *T ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn -T ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 29-4-2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 30-6-2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà T Thị T, sinh năm 1966. địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện A, tHnh phố H.(Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông H Thế L, sinh năm 1959, địa chỉ: phố T P, Tòa nH hỗn hợp S, pH V, quận H Đông, tHnh phố H Nội. (Có mặt)

Ông T Bình Đ, sinh năm 1983, đại chỉ: Tổ 5 Khu P, thị trấn L THnh, huyện L THnh, tỉnh Đ. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông K Văn T, sinh năm 1958, luật sư thuộc đoàn luật sư tHnh phố H Nội. (Có mặt)

**\* *Bị đơn:*** Bà P Thị Y, sinh năm 1967, địa chỉ: pH N, quận T, tHnh phố H Nội. (Có mặt)

**\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: pH B, tHnh phố D, tỉnh B (Vắng mặt).

- Bà N Thị Hải H, sinh năm 1970, địa chỉ: số 9 V, Y, C, H Nội (Vắng mặt).

- Bà V Thị Lê M K, sinh năm 1985, địa chỉ: tHnh phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt)

- Ông K Quang T, sinh năm 1975, địa chỉ: tHnh phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).
- Ông H Minh T, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị H L, sinh năm 1976, địa chỉ: tHnh phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).
- Ông Đ Văn T, sinh năm 1962, địa chỉ: T, H Nội (Vắng mặt).
- Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà P Thị Y, sinh năm 1967, địa chỉ: quận T, tHnh phố H Nội (Bà Y có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Tại đơn khởi kiện, trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn bà T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H Thế L và ông T Bình Đ trình bày: Tháng 8/2020, bà T Thị T cùng bà P Thị Y, bà Nguyễn Thị Hải H thỏa thuận miệng góp vốn mua chung khu đất có tổng diện tích khoảng 4,5 ha tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tại thời điểm này, bà H, bà T, ông T thống nhất giao cho bà Y thay mặt đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thỏa thuận mua chung đất được ghi nhận lại từ thỏa thuận miệng tHnh Hợp đồng góp vốn văn bản ngày 25/4/2021, giữa bà N Thị Hải H đại diện cho 3 người gồm bà H bà T ông T với một bên là P Thị Y. Ngày 20/8/2020, bên chuyển nhượng đất gồm ông Bùi D sinh năm 1974, ông Ng THnh S, sinh năm 1978 cùng bên nhận chuyển nhượng là P Thị Y đại diện bên mua là bà Y bà T bà H, ông T ký giấy xác nhận đặt cọc, nội dung chi tiết trong Giấy đặt cọc đính kèm. Về số tiền góp vốn bà T đã thanh toán đầy đủ để mua 1000m<sup>2</sup> tại xã L T. Tháng 12/2020, hoàn tHnh chuyển nhượng sang tên và được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà P Thị Y và ông Ng Minh T (người góp vốn với bà Y) kể từ khi nhận chuyển nhượng đến nay. Hiện nay bà Y đang quản lý toàn bộ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T được biết, vừa qua bà P Thị Y đã giao dịch với khách Hng (Bên mua) và nhận đặt cọc bán toàn bộ khu đất mua chung có tổng diện tích 4,5 ha là tài sản chung, gồm các thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226 tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255 tờ bản đồ số 11, tại xã L T nhưng bà Y không thông báo cho bà T biết. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P Thị Y và các bên liên quan làm thủ tục pháp lý sang tên cho bà T 1.000 m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích 4.500 m<sup>2</sup> thuộc thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226, tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255, tờ bản đồ số 11, tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

-Bị đơn bà P Thị Y trình bày: Bà Y không có nhận tiền góp vốn của bà T, bà Y có ký vào hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021, nhưng bà Y không có nhận tiền góp vốn 400.000.000 đồng của bà T, bà Y không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hải H có đơn xin vắng mặt khi xét xử và trình bày: Bà H đang giữ bản gốc hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021, bản pho to bà T đã nộp cho Tòa án, nội dung hợp đồng thể hiện bà T có góp vốn cùng với bà Y và ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Hải H, ông

Kim Quang T và ông Hồ Minh T, số tiền bà T góp là 400 triệu đồng, tương đương với số đất là 1.000 m<sup>2</sup> trong tổng số đất xấp xỉ 4.5 ha thuộc tờ số 5, 11 số thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226, 255, 341, 342 tại xã L T, huyện Đất Đỏ và bà Y được giao đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hợp đồng này chỉ có một bản gốc, trong khi đó nội dung hợp đồng thể hiện ba người góp vốn gồm bà H, bà T, ông T (Nếu mất bản gốc sẽ ảnh hưởng tới quyền lợi của bà H và ông T), vì vậy bà H chưa thể cung cấp bản gốc cho Tòa được. T hợp nếu bà Y yêu cầu bà H, bà H sẽ cung cấp hợp đồng góp vốn cho Tòa án. Hiện nay bà H không thể cung cấp chứng cứ khi chưa có yêu cầu từ phía bà Y. Đề nghị Tòa án có thể thực hiện phương pháp thu thập chứng cứ khác như có thể gặp bà H trực tiếp để xác minh, lấy lời khai đối với bản gốc hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021, khi đó bà H sẽ trình bản gốc để Tòa án xem xét và xác nhận nội dung thỏa thuận giữa các bên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh T, bà Nguyễn Thị H L có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Ông T bà L là người sử dụng đất chung với bà P Thị Y, ông Đỗ Văn T, ông Kim Quang T, bà Văn Thị Lê Minh K các thửa đất: thửa 243, 225, 226, tờ bản đồ số 5 xã L T; thửa 326, 327 tờ bản đồ số 5 xã L T, thửa 341, 342 tờ bản đồ số 11 xã L T; thửa 319 tờ bản đồ số 5 xã L T; thửa 255 tờ bản đồ số 11 xã L T, đã được cơ quan nH nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung đối với những thửa đất này. Ông T bà L không đồng ý việc bà Y cho bà T góp vốn vì việc góp vốn sau khi bà Y và ông T bà L đã mua các thửa đất trên. Việc bà Y muốn cho ai góp vốn chung vô những thửa đất này phải được sự đồng ý của Ông T bà L. Ông T bà L không đồng ý việc góp vốn của bà T hay bất cứ ai góp vốn vô những thửa đất chung của Ông T bà L như đã nêu. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy Đ pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K Quang T, bà V Thị Lê Minh K trình bày: Ông T bà K là người sử dụng đất chung với bà P Thị Y, ông Đ Văn T, ông H Minh T, bà N Thị H L đối với các thửa đất: thửa 243, 225, 226, tờ bản đồ số 5 xã L T; thửa 326, 327 tờ bản đồ số 5 xã L T, thửa 341, 342 tờ bản đồ số 11 xã L T; thửa 319 tờ bản đồ số 5 xã L T; thửa 255 tờ bản đồ số 11 xã L T, đã được cơ quan nH nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung đối với những thửa đất này. Hiện tại Ông T bà K vẫn chưa sang nhượng cho bất cứ ai các thửa đất này. Ông T bà K không đồng ý việc bà Y cho bà T góp vốn vì việc góp vốn là sau khi bà Y và ông T bà K đã mua các thửa đất trên. Việc bà Y muốn cho ai góp vốn chung vô những thửa đất này phải được sự đồng ý của Ông T bà K. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy Đ pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Kiều Văn T trình bày: Ông Kiều yêu cầu Tòa án xác Đ đây là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất. Bản Hợp đồng góp vốn viết sau khi việc mua bán đất được diễn ra nên đây là việc có thật, quan hệ giữa bà T và bà Y là quan hệ thân thiết bền vững nên việc chuyển tiền 400 triệu không có lập giấy tờ, việc góp vốn chung là quyền của mỗi bên ngang nhau, nên mọi việc liên quan đến việc bán đất phải có sự đồng ý của bà T, bà Y phải hỏi bà T, bà Y hỏi những người khác là ông T, bà H nhưng không hỏi bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

*Về tố tụng:* Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy Đ của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy Đ của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Về nội dung:* Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhận Đ:

[1]*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Khi thụ lý, Tòa án xác Đ là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất là không chính xác. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác Đ đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng góp vốn.

[2]*Về tố tụng:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T, bà Ng Thị Hải H, ông Hồ Minh T, bà Ng Thị H L, ông K Quang T, bà V Thị Lê Minh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy Đ tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]*Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P Thị Y và các bên liên quan làm thủ tục pháp lý sang tên cho bà T 1.000 m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích 4.500 m<sup>2</sup> thuộc thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226, tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255, tờ bản đồ số 11, tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Xét thấy tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Kiều Văn T đã đưa ra chứng cứ bản chính Hợp đồng góp vốn và ông T chỉ cho Hội đồng xét xử và mọi người tại phiên tòa xem và sẽ lấy lại Hợp đồng để trả cho bà H. Do đó, Hội đồng xét xử đã xem xét nội dung Hợp đồng góp vốn giống với nội dung Hợp đồng góp vốn bản pho to mà trước đây nguyên đơn đã nộp tại Tòa, sau đó Hội đồng xét xử đã trả lại hợp đồng góp vốn cho ông T để ông T trả lại cho bà H.

Nguyên đơn khai thỏa thuận góp vốn là vào tháng 8/2020, nhưng hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021 thì ghi là góp vốn tháng 9/2020 là sau khi bà Y đặt cọc nhận chuyển nhượng của ông Bùi Huy D và ông Nguyễn THnh S (Bà T ghi trong đơn khởi kiện là ông Bùi D). Theo bà T khai và nội dung bản Hợp đồng góp vốn ghi chung vốn với bà Y là ông K Quang T và ông H Minh T và quyền sử dụng đất được cấp Giấy tháng 12/2020, nhưng qua sao lục thì các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Bùi Huy Dương bà Nguyễn Thúy H và ông Ng THnh S bà B Thị Th Ng lập và Công chứng ngày 13/11/2020, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/02/2021 bà Y và những người cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K Quang T, bà V Thị L Minh K, ông Đỗ Văn T, ông H Minh T, bà Ng Thị H L. Do đó, có cơ sở xác Đ khi lập hợp đồng bà T cũng không biết được giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất có bao nhiêu người đứng tên chung, diện tích đất số thửa số tờ bản đồ và những người mà bà T cho rằng chung vốn là ông T ông T cũng không ký tên trên Hợp đồng góp vốn, nên hợp đồng chung vốn chỉ là thỏa thuận giữa bà T, ông T, bà H, bà Y.

Việc góp vốn lập ngày 25/4/2021 vô hiệu do lập sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/02/2021 và không có sự thỏa thuận đồng ý của 5 người khác cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T góp vốn, và nội dung hợp đồng góp vốn cũng không thỏa thuận về việc bà T được đứng tên riêng 1.000 m<sup>2</sup> trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó căn cứ Điều 117, 122, 218, 407, 408, theo mục 8 chương 16 từ Điều 504 đến 509 về hợp đồng góp vốn của Bộ luật dân sự không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P Thị Y và các bên liên quan làm thủ tục pháp lý sang tên cho bà T 1.000 m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích 4.500 m<sup>2</sup> thuộc thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226, tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255, tờ bản đồ số 11, tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Do Hợp đồng góp vốn vô hiệu nên căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự, bà T và bà Y phải trả cho nhau những gì đã nhận, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L ông Đ không đưa ra được chứng cứ đã giao tiền góp vốn cho bà Y, ông L ông Đ trình bày bà T đã giao tiền 400 triệu cho bà Y nhưng không nhớ đã giao tiền ngày nào, chỉ là giao tiền vào tháng 8, tháng 9 năm 2020, do bà T và bà Y ở chung NH với nhau nên không có lập giấy tờ giao nhận tiền. Bà T xác Đ khi giao tiền cho bà Y không có giấy tờ gì nên không có chứng cứ chứng minh bà Y đã nhận tiền của bà T nhằm thực hiện Hợp đồng góp vốn, bà T cũng chưa nhận đất nên không có căn cứ buộc bà T và bà Y trả cho nhau những gì đã nhận.

[4]. *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên ghi nhận.

[5]. Về phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông T trình bày, ông T yêu cầu xác Đ quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại quyền sử dụng đất” là không đúng, Hội đồng xét xử xác Đ quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn” là đúng quan hệ tranh chấp theo hợp đồng ngày 25/4/2021, vì bà T cho rằng bà T góp vốn theo Hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021, bà T chưa có quyền sử dụng đất theo quy Đ pháp luật là có quyền sử dụng đất cùng với bà Y, bà T cũng chưa được giao đất để sử dụng và bà T cũng chưa sử dụng đất, bà T trình bày bà T có góp vốn theo Hợp đồng góp vốn ngày 25/4/2021, nên đây không phải là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, mà đây là tranh chấp Hợp đồng góp vốn. Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng do mối quan hệ thân thiết bền vững, bà Y bà T ở chung NH nên không có lập giấy tờ giao nhận tiền là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hiện tại các thửa đất 319, 326, 327, 243, 225, 226, tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255, tờ bản đồ số 11, tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vẫn đang



đứng tên bà P Thị Y, ông Đỗ Văn T, ông Hồ Minh T, bà Ng Thị H L, ông K Quang T, bà V Thị Lê Minh K, chưa sang tên cho ai.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Số tiền chi phí tố tụng gồm chi phí cung cấp thông tin là 1.421.120 đồng, số tiền này bà T đã tạm ứng. Do yêu cầu của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu chi phí tố tụng 1.421.120 đồng.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật Đ.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

-Điều 117, 122, 131, 218, 407, 408, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Khoản 1 Điều 26, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy Đ về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T Thị T đối với bà P Thị Y về việc yêu cầu bà P Thị Y và các bên liên quan làm thủ tục pháp lý sang tên cho bà T 1.000 m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích 4.500 m<sup>2</sup> thuộc thửa 319, 326, 327, 243, 235, 226, tờ bản đồ số 5 và các thửa 341, 342, 255, tờ bản đồ số 11, tại xã L T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí tố tụng gồm chi phí cung cấp thông tin là 1.421.120 đồng, số tiền này bà T đã tạm ứng. Do yêu cầu của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu chi phí tố tụng 1.421.120 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi một ngàn một trăm hai mươi đồng). Bà T đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0009780 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Đất Đỏ, bà T đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2022), đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*T hợp bản án, quyết Đ được được thi Hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc cưỡng chế thi Hành án theo quy Đ tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu;

**Châu Nguyễn Xuân Thu**